

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08- 7-2020
V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Đặng Thị Đôi

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1991; đăng ký nhân khẩu thường trú: C, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Việt A, sinh năm 1991; đăng ký nhân khẩu thường trú: C, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 06 tháng 3 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh T và anh Nguyễn Việt A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 5 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh

chị cùng chung sống tại khu C, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị T và anh Việt A chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh Việt A chơi bời và không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Do mâu thuẫn nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau, mặc dù đã được gia đình và địa phương hòa giải nhưng không cải thiện được. Do mâu thuẫn nên chị T và anh Việt A đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay, trong quá trình ly thân hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Việt A.

Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo L sinh ngày 30/07/2014, hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn chị T đề nghị được tiếp tục nuôi cháu L vì chị hiện đang là giáo viên, có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và có thời gian để chăm sóc con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị T đề tự thỏa thuận với anh Việt A do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Việt A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai anh Việt A vẫn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Thanh T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Thanh T và anh Nguyễn Việt A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Thanh T được ly hôn anh Việt A. Về con chung, giao con là Nguyễn Bảo L cho chị T nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị T và anh Việt A tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung do chị T đề nghị để tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Việt A đã được Toà án tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh Việt A có mặt tại Toà án trình bày ý kiến của mình về việc chị Đỗ Thị Thanh T có đơn xin ly hôn nhưng anh Việt A vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Nguyễn Việt A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Thanh T và anh Nguyễn Việt A là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh Việt A chơi bời, không chăm lo làm ăn kinh tế và không quan tâm tới cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi mắng xúc phạm nhau. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Việt A phù hợp với lời khai của chị T. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Việt A, anh Việt A không có mặt tại Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Việt A đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh Việt A.

[3] Về con chung: Chị T và anh Việt A có 01 con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 30 tháng 07 năm 2014. Trường hợp ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Xét hiện nay, chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh. Chị T khai chị đang là giáo viên, có thu nhập ổn định và thời gian để có thể chăm lo cho con còn anh Việt A không có công việc, không có thu nhập ổn định nên không có khả năng chăm lo tốt cho các con. Anh Việt A mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc giao nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh về điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung như nơi ở, nghề nghiệp, thu nhập hàng tháng....nhưng anh Việt A không cung cấp cho Tòa án. Như vậy xét về mọi mặt, chị T có điều kiện chăm sóc con chung đảm bảo hơn so với anh Việt A, cần chấp nhận đề nghị của chị T, giao cháu Nguyễn Bảo L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị T đề nghị để tự thỏa thuận với anh Việt A nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, anh Việt A vắng mặt và chưa có lời khai về tài sản chung vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Thanh T và anh Nguyễn Việt A.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Bảo L sinh ngày 30 tháng 7 năm 2014 cho chị Đỗ Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Bảo L đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0008878 ngày 04/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Thanh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Việt A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND thị trấn N, huyện K ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

